

Số: /KH-UBND

Ngọk Bay, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/ĐU ngày 14/4/2026 của
Ban chấp hành Đảng bộ xã về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ
cao, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ giai đoạn 2026-2030
trên địa bàn xã Ngọk Bay**

Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/ĐU ngày 14/4/2026 của Ban chấp hành Đảng bộ xã về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn xã Ngọk Bay; Ủy ban nhân dân xã Ngọk Bay ban hành¹ Kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.

1. Mục đích:

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 06-NQ/ĐU nhằm phát triển nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ cao vào sản xuất; nâng cao giá trị gia tăng, năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp; gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm và phát triển thị trường ổn định.

- Từng bước hình thành các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh phù hợp với điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng và lợi thế của từng thôn; nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người dân, góp phần thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

2. Yêu cầu:

- Triển khai thực hiện phải đồng bộ, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; xác định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cán bộ phụ trách và các thôn trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy, sự quản lý điều hành của chính quyền, sự phối hợp của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội xã, sự tham gia chủ động của Nhân dân và các tổ chức, doanh nghiệp trong phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

II. MỤC TIÊU.

1. Mục tiêu chung: Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp điều kiện tự nhiên, nâng cao giá trị gia tăng; hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, ứng dụng công nghệ cao; xây dựng nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững; nâng cao thu nhập và đời sống Nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể:

¹. Xét nội dung tham mưu của Phòng Kinh tế xã tại Văn bản số 1459/PKT-NN ngày 24/6/2026.

*** Đến năm 2030:**

- Giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng khoa học – công nghệ chiếm 20 đến 30% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp.
- Hình thành 01 đến 02 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
- Thu hút ít nhất 01 dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và 01 cơ sở chế biến, đóng gói sản phẩm.
- Xây dựng ít nhất 01 sản phẩm tham gia chuỗi giá trị; duy trì và nâng hạng các sản phẩm OCOP đã được công nhận; hằng năm phát triển thêm từ 01 đến 02 sản phẩm OCOP đặc trưng của địa phương.
- Định hướng vùng, sản phẩm chủ lực:
 - + Vùng trồng chanh dây, dưa tại thôn Kroong Ktu, Kroong Klah.
 - + Vùng trồng mía tại thôn Plei Klech, Đắk Rơ Đe, Thôn Kon Hongo Klah và Thôn Kon Hongo Ktu.
 - + Xây dựng khu chăn nuôi tập trung, phát triển thương hiệu “Thịt heo sạch Ngọc Bay” tại thôn Trung Nghĩa Đông, thôn Trung Nghĩa Tây;

III. CHỈ TIÊU, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026–2030.

1. Lộ trình nâng tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng khoa học, công nghệ cao:

- Tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng khoa học, công nghệ:
 - + Năm 2026 đạt từ 12%–15%.
 - + Năm 2027 đạt từ 15%–18%.
 - + Năm 2028 đạt từ 18%–22%.
 - + Năm 2029 đạt từ 22%–26%.
 - + Năm 2030 đạt từ 26%–30%.
- Nhóm mô hình triển khai:
 - + Trồng chanh dây ứng dụng hệ thống tưới nhỏ giọt, giống chất lượng cao.
 - + Trồng dưa theo hướng liên kết chuỗi giá trị.
 - + Cơ giới hóa sản xuất vùng nguyên liệu mía.
 - + Mô hình trồng nấm ứng dụng nhà trại, kiểm soát nhiệt độ.
 - + Chăn nuôi heo an toàn sinh học, xử lý môi trường bằng công nghệ sinh học.
 - + Ứng dụng truy xuất nguồn gốc, mã QR, thương mại điện tử đối với sản phẩm OCOP.

2. Hình thành vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Vùng trồng chanh dây, dưa tại thôn Kroong Ktu và Kroong Klah quy mô:
 - + Giai đoạn 2026 - 2027: hình thành 15 - 20 ha.

- + Giai đoạn 2028 - 2030: mở rộng lên khoảng 50 ha.
- + Loại cây trồng chủ lực: chanh dây, dưa.
- Hình thức thực hiện: Doanh nghiệp liên kết với hợp tác xã, tổ hợp tác và người dân; người dân góp đất, tham gia sản xuất.
- Đơn vị liên kết dự kiến: Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn; Doanh nghiệp liên kết tiêu thụ như Công ty Cổ phần chế biến nông sản Sao Mai.
- Nội dung ứng dụng công nghệ: Hệ thống tưới tiết kiệm; Giống chất lượng cao; Quy trình sản xuất an toàn; Nhật ký điện tử và truy xuất nguồn gốc.
- Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại thôn Trung Nghĩa Đông quy mô:
 - + Giai đoạn 2027 - 2028: hình thành vùng khoảng 30 - 50 ha.
 - + Giai đoạn 2029 - 2030: mở rộng 70 - 100 ha.
 - Định hướng: Trồng cây giá trị cao; Chăn nuôi ứng dụng công nghệ sinh học; Kết hợp sơ chế, đóng gói nông sản.
 - Khu vực thực hiện: Nông trường cao su và vùng phụ cận.
 - Đơn vị tham gia: Doanh nghiệp đầu tư; Hợp tác xã; Tổ hợp tác; Hộ dân liên kết sản xuất.

3. Thu hút dự án nông nghiệp công nghệ cao và cơ sở chế biến:

- Dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:
 - + Vị trí: Khu phụ trợ công trình thủy điện Plei Krông và khu vực Trung Nghĩa Đông.
 - + Lĩnh vực thu hút: Trồng cây ăn quả; Chăn nuôi an toàn sinh học; Trồng nấm; Sản xuất nông nghiệp hữu cơ.
 - + Quy mô đầu tư: Từ 20–50 ha.
 - + Danh mục sản phẩm: Chanh dây; Dưa; Nấm; Thịt heo sạch; Nông sản chế biến.
 - + Thời gian triển khai: Năm 2026 khảo sát, xúc tiến đầu tư; năm 2027–2028 hoàn thiện thủ tục, triển khai dự án; năm 2029–2030 đưa vào hoạt động ổn định.
 - Cơ sở chế biến, đóng gói nông sản:
 - + Địa điểm dự kiến: Khu vực phụ trợ công trình thủy điện Plei Krông.
 - + Quy mô: Cơ sở sơ chế, bảo quản, đóng gói nông sản quy mô vừa.
 - + Sản phẩm: Nấm; Dưa; Chanh dây; Nông sản sấy khô; Sản phẩm OCOP.
 - + Hình thức: Kêu gọi doanh nghiệp hoặc hợp tác xã đầu tư.
- 4. Lộ trình phát triển sản phẩm OCOP và chuỗi giá trị:**
 - Năm 2026 củng cố, nâng hạng sản phẩm nấm bào ngư xám, nấm sò.

- Năm 2027 phát triển thêm 01 sản phẩm OCOP mới.
- Năm 2028 xây dựng sản phẩm “*Thịt heo sạch Ngọc Bay*”.
- Năm 2029 hoàn thiện 01 sản phẩm tham gia chuỗi giá trị;
- Năm 2030 duy trì, nâng hạng sản phẩm OCOP; mở rộng thị trường tiêu thụ.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU.

1. Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt mục tiêu từ 01 đến 02 vùng sản xuất tập trung đến năm 2030:

- Năm 2026, hoàn thành rà soát quỹ đất, hiện trạng sử dụng đất và nhu cầu tham gia của người dân tại các thôn Kroong Ktu, Kroong Klah, Trung Nghĩa Đông để xây dựng vùng sản xuất tập trung; xác định ranh giới, diện tích và lộ trình mở rộng từng vùng.

- Tập trung vận động các hộ dân liên kết sản xuất, tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã; phấn đấu đến năm 2027 hình thành vùng trồng chanh dây, dứa quy mô từ 15 - 20 ha tại Kroong Ktu và Kroong Klah; đến năm 2030 mở rộng đạt khoảng 50 ha.

- Từng bước hình thành vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Trung Nghĩa Đông; ưu tiên các mô hình cây trồng có giá trị kinh tế cao, chăn nuôi ứng dụng công nghệ sinh học, gắn với sơ chế, bảo quản nông sản; phấn đấu đến năm 2030 đạt quy mô từ 70 - 100 ha.

- Hỗ trợ người dân áp dụng hệ thống tưới tiết kiệm nước, nhà lưới, nhà màng, giống chất lượng cao, nhật ký điện tử và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

2. Nâng tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng khoa học, công nghệ cao đạt từ 26 - 30% vào năm 2030:

- Hằng năm xây dựng ít nhất từ 02 - 03 mô hình trình diễn ứng dụng khoa học kỹ thuật trên các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực của địa phương.

- Hỗ trợ chuyên gia kỹ thuật trồng chanh dây, dứa, nải; kỹ thuật chăn nuôi heo an toàn sinh học; kỹ thuật sử dụng chế phẩm sinh học xử lý môi trường chăn nuôi.

- Đẩy mạnh cơ giới hóa các khâu làm đất, chăm sóc, thu hoạch đối với vùng nguyên liệu mía; khuyến khích sử dụng máy móc, thiết bị tiết kiệm lao động và giảm chi phí sản xuất.

- Phấn đấu mỗi năm tăng từ 3 - 4% giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo lộ trình Nghị quyết đề ra.

3. Thu hút ít nhất 01 dự án nông nghiệp công nghệ cao và 01 cơ sở chế biến, đóng gói nông sản:

- Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư, hồ sơ giới thiệu địa điểm, quỹ đất và các chính sách ưu đãi để quảng bá, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao.

- Chủ động làm việc với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến nông sản

trong và ngoài tỉnh để khảo sát địa điểm đầu tư tại khu vực Trung Nghĩa Đông và khu phụ trợ công trình thủy điện Plei Krông.

- Hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các thủ tục đầu tư, đất đai, môi trường theo quy định; tạo điều kiện thuận lợi để triển khai dự án.

- Phân đầu hoàn thành việc thu hút ít nhất 01 dự án nông nghiệp công nghệ cao và 01 cơ sở sơ chế, bảo quản, đóng gói nông sản trước năm 2030.

4. Phát triển sản phẩm OCOP và xây dựng chuỗi giá trị nông sản:

- Tập trung củng cố, nâng hạng sản phẩm OCOP nấm bào ngư xám, nấm sò hiện có; hỗ trợ hoàn thiện bao bì, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn chất lượng.

- Mỗi năm lựa chọn từ 01 - 02 sản phẩm đặc trưng của địa phương để xây dựng sản phẩm OCOP mới; ưu tiên các sản phẩm từ chanh dây, dứa, nấm, thịt heo sạch và sản phẩm chế biến.

- Đến năm 2028 hoàn thiện hồ sơ xây dựng thương hiệu “Thịt heo sạch Ngọc Bay”; tổ chức quảng bá và kết nối tiêu thụ sản phẩm.

- Đến năm 2029 hình thành ít nhất 01 chuỗi liên kết sản xuất - thu mua - chế biến - tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân.

5. Phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác và liên kết sản xuất:

- Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác hiện có; hỗ trợ xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, kết nối thị trường tiêu thụ.

- Hỗ trợ thành lập mới các tổ hợp tác sản xuất chanh dây, dứa, chăn nuôi heo sạch tại các vùng quy hoạch.

- Phân đầu 100% các mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao được tổ chức theo hình thức liên kết sản xuất với doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

6. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp:

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về diện tích cây trồng, vật nuôi chủ lực; cập nhật thường xuyên tình hình sản xuất trên địa bàn.

- Hỗ trợ các cơ sở sản xuất đăng ký mã vùng trồng, truy xuất nguồn gốc bằng mã QR; quảng bá sản phẩm trên các sàn thương mại điện tử.

- Phân đầu đến năm 2030 có từ 80% trở lên các sản phẩm OCOP và sản phẩm chủ lực của địa phương được áp dụng truy xuất nguồn gốc điện tử.

7. Huy động nguồn lực và đào tạo nguồn nhân lực:

Lồng ghép các nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, các chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư hạ tầng vùng sản xuất.

- Hằng năm tổ chức từ 02 - 03 lớp tập huấn, đào tạo nghề nông nghiệp cho người dân; ưu tiên đào tạo kỹ thuật sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, an toàn sinh học và ứng dụng công nghệ cao.

- Hỗ trợ nông dân tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư mở rộng sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật và phát triển kinh tế hộ gia đình.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Phòng Kinh tế:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi, tổng hợp tình hình và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện.

- Tham mưu cân đối, bố trí nguồn kinh phí thực hiện; hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí đúng quy định.

3. Phòng Văn hóa – Xã hội: Phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện các mô hình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

4. Trung tâm Cung ứng dịch vụ công: Thường xuyên tuyên truyền, đăng các tin, bài trên trang thông tin điện tử, mạng xã hội về kết quả thử nghiệm các mô hình có hiệu quả và sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn để tạo sự lan tỏa, thúc đẩy người dân tham khảo, học tập.

5. Ban Nhân dân các thôn: Chủ động rà soát nhu cầu, điều kiện sản xuất tại địa bàn thôn; tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện Kế hoạch này.

6. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã: Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện; phát huy vai trò giám sát cộng đồng.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/ĐU ngày 14-4-2026 của Ban chấp hành Đảng bộ xã; đề nghị các cơ quan, đơn vị, Ban nhân dân các thôn triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy xã (b/c);
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Như mục IV (t/h);
- CVP, PCVP HĐND-UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Việt